

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-PT

Ngày: 16/6/2020

V/v “*tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán:

Ông Lương Quang

Ông Nguyễn Hữu Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Chánh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 2 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2019/DSST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; nơi cư trú: 27 đường T, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1972; nơi cư trú: 11/11A đường P, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Thanh H, nơi cư trú: 11/11A đường P, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2013 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 19/01/2012, bà Nguyễn Thị Quỳnh N mua của bà S 01 xe mô tô số máy 230959, số khung 230959 còn nợ 12.740.000đ, góp 255 ngày mỗi ngày 50.000đ. Từ ngày mua xe đến tháng 8/2013, bà N trả góp được 7.200.000đ, còn nợ 5.540.000đ, khi mua xe có ông Nguyễn Thanh H ký bảo lãnh. Bà S yêu cầu bà Nguyễn Thị Quỳnh N trả nợ tiền gốc mua xe 5.540.000đ và lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày mua xe ngày 09/8/2013 đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày: Bà có mua xe của doanh nghiệp tư nhân Thanh S vào ngày 19/01/2012 đã thanh toán 02 triệu đồng còn nợ 12.740.000đ, bà N có đóng cho con bà S nhưng sau đó không thu nữa, trong năm 2012 nộp được 3.500.000đ nhưng bà S nói trả tiền lãi. Sau đó, hàng ngày bà N vẫn trả cho bà Hạnh nhân viên bà S đầy đủ, vậy bà N đã trả cho bà S gần 10.000.000đ hiện chỉ còn 2.740.000đ. Các lần trả nợ cho bà S bà chỉ ký vào sổ của bà S chứ không giữ giấy biên nhận nên không có tài liệu cung cấp cho Tòa án, đề nghị Tòa xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ). Ông T yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2019/DS-ST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh N phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ của hợp đồng mua xe mô tô trả góp ngày 19/01/2012 là 10.262.157đ (Trong đó gốc 5.540.000đ, lãi 4.722.157đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 03/12/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS2015.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Quỳnh N không trả nợ cho bà S thì ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm trả thay bà N.

Sau khi bà Nguyễn Thị Quỳnh N trả xong nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78 G1-061.05, có số máy 230959, số khung 230959 thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn T có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên sở hữu xe cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N. Lệ phí trước bạ sang tên lần 2 do bị đơn chịu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/01/2020, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày 19/01/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/5/2020, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên nợ gốc chưa trả 12.740.000đ theo lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 19/01/2012 và trừ số tiền bị đơn đã trả theo từng khoản góp, tính đến ngày 09/8/2013, bị đơn còn nợ gốc 7.994.868đ, yêu cầu cấp phúc thẩm tính lãi 1,125% trên nợ gốc 7.994.868đ từ ngày 09/8/2013 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không trình bày.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tại phiên tòa: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo Hồ Thị Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị Quỳnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ

Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S và bị đơn Nguyễn Thị Quỳnh N có thỏa thuận và ký hợp đồng mua xe trả góp ngày 19/01/2012 theo đó: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N mua trả góp của doanh nghiệp Thanh S một xe mô tô số máy 230959, số khung 230959, biển số 78 G1 – 061.05, số tiền còn nợ lại là 12.740.000đ, góp 255 ngày mỗi ngày 50.000đ, thời gian góp tính từ ngày 19/01/2012. Bị đơn trình bày bà đã trả cho bà S gần 10.000.000đ, hiện chỉ còn nợ 2.740.000đ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại biên bản hòa giải ngày 10/9/2013, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ký ngày 10/9/2013) thừa nhận tính đến ngày 09/8/2013 bà N đã góp được số tiền 7.200.000đ, còn nợ số tiền gốc 5.540.000đ. Như vậy, có căn cứ bà N còn nợ bà S số tiền nợ gốc là 5.540.000đ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày 19/01/2012, tại đơn xin vắng mặt ngày 25/5/2020, nguyên đơn yêu cầu tính lại nợ gốc là 7.994.868đ và tính lãi 1,125% trên số nợ gốc trên, thời gian tính lãi từ 09/8/2013 đến ngày xét xử phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 3 hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 19/01/2012 có quy định “*nếu trả trước hạn thì bên B sẽ được giảm số tiền lãi trước hạn theo tỷ lệ quy định, nếu bên B trả chậm sẽ chịu phạt số tiền bằng 2,5%/ tháng số tiền tổng nợ*”. Theo hợp đồng trả góp trên thì bên mua phải trả góp cho doanh nghiệp 50.000đ/ngày trong thời gian 255 ngày và số tiền còn nợ lại 12.740.000đ. Tại biên bản hòa giải ngày 10/9/2013, nguyên đơn đã chốt nợ gốc cho bị đơn tính đến ngày 09/8/2013 là 5.540.000đ, từ ngày đó đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn, cấp sơ thẩm tính lãi chậm trả 1,125%/tháng và thời gian tính lãi từ ngày 09/8/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/12/2019 (6 năm 03 tháng 23 ngày) là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005. Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ của hợp đồng mua xe mô tô trả góp ngày 19/01/2012 là 10.262.157đ (Trong đó tiền gốc là 5.540.000đ, tiền lãi là 4.722.157đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 03/12/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án của phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS2015.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Quỳnh N không trả nợ cho bà S thì ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm trả thay bà N.

Sau khi bà Nguyễn Thị Quỳnh N trả xong nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78 G1-061.05, có số máy 230959, số khung 230959 thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn T có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên sở hữu xe cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N. Lệ phí trước bạ sang tên lần 2 do bị đơn Nguyễn Thị Quỳnh N chịu.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 513.000đ (*năm trăm mười ba ngàn đồng*) án phí DSST.

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000đ án phí DSPT, được khấu trừ 300.000đ tại Biên lai thu tiền số 0001137 ngày 13/01/2020 và hoàn trả cho nguyên đơn 318.000đ tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 10455 ngày 20/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP T (2);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Tp T;
- Lưu: HSVA.

Vũ Ngọc Hà